

香港先進田徑會

第七屆香港先進田徑錦標賽



男子 M45 - 100米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
1 TANG KWOK WING	鄧國榮	M45	45212	南華
2 YUEN LEONARD	源旭	M45	45239	拔萃
3 WONG ROBERTO	王偉國	M45	45230	拔萃
4 NG TAI WAI	吳大偉	M45	45206	警察
5 TSE KAI MING CARL	謝繼明	M45	45218	南華
6 LAM HUI TING SPENCER	林煦庭	M45	45187	聖若瑟
7 LAU CHUNG SING	劉頌昇	M45	45190	喇沙

男子 M45 - 100米 (第 2 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
2 LIU CHI YUNG	廖智勇	M45	45201	南華
3 CHAN WING KWONG DEREK	陳永光	M45	45169	喇沙
4 WONG CARRUK	黃嘉樂	M45	45224	拔萃
5 NGAN HUNG PAN	顏鴻斌	M45	45208	聖若瑟
6 CHAN WING HEI GARY	陳穎曦	M45	45168	南華
7 WONG PATRICK	王崇珀	M45	45229	拔萃

男子 M45 - 100米 (第 3 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
2 CHEUNG ALAN	張偉倫	M45	45171	喇沙

3 CHEUNG CHIN TUNG

張展東 M45 45173 聖若瑟

4 CHAN DANIEL

陳恒 M45 45164 拔萃

5 CHAN LAP CHI

陳立致 M45 45166 南華

6 CHOW CHUN WAI

周縉緯 M45 45177 HKMP

7 TEOH ANTHONY

張源斌 M45 45214 拔萃

男子 M45 - 200米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
5 CHAN LAP CHI	陳立致	M45	45166	南華
6 CHAN WING KWONG DEREK	陳永光	M45	45169	喇沙
7 NGAN HUNG PAN	顏鴻斌	M45	45208	聖若瑟
8 TEOH ANTHONY	張源斌	M45	45214	拔萃

男子 M45 - 200米 (第 2 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
5 LIU CHI YUNG	廖智勇	M45	45201	南華
6 CHEUNG ALAN	張偉倫	M45	45171	喇沙
7 WONG PATRICK	王崇珀	M45	45229	拔萃
8 LAM HUI TING SPENCER	林煦庭	M45	45187	聖若瑟

男子 M45 - 200米 (第 3 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
5 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華

主辦單位:



協辦機構:



合作媒體:



香港先進田徑會

第七屆香港先進田徑錦標賽



男子 M45 - 200米 (第 3 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
6 LAI WAI YEUNG	賴維揚	M45	45185	飛達
7 LAU CHUNG SING	劉頌昇	M45	45190	喇沙
8 CHOW CHUN WAI	周縉緯	M45	45177	HKMP

男子 M45 - 200米 (第 4 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
5 CHAN WING HEI GARY	陳穎曦	M45	45168	南華
6 YUEN LEONARD	源旭	M45	45239	拔萃
7 HO KIM FAI	何劍輝	M45	45181	愉園
8 CHEUNG CHIN TUNG	張展東	M45	45173	聖若瑟

男子 M45 - 400米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
2 CHAN DANIEL	陳恒	M45	45164	拔萃
3 YEUNG SZE FEI STEVE	楊時飛	M45	45234	拔萃
4 TSE LEON	謝文龍	M45	45219	南華
5 CHAN LAP CHI	陳立致	M45	45166	南華
6 CHEUNG ALAN	張偉倫	M45	45171	喇沙
7 TANG WING KIN	鄧永健	M45	45213	飛達

男子 M45 - 400米 (第 2 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
2 VALCARCEL ISRAEL		M45	45220	AVOHK
3 LAI WAI YEUNG	賴維揚	M45	45185	飛達
4 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華
5 LAU WAI KIN KELVIN	劉偉健	M45	45192	拔萃
6 CHAN WING KWONG DEREK	陳永光	M45	45169	喇沙
7 YUEN KWOK WAI	袁國偉	M45	45238	南華

男子 M45 - 800米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
1 CHAN DANIEL	陳恒	M45	45164	拔萃
2 LI SIU ON RAYMOND	李兆安	M45	45199	拔萃
3 CHAN SIU HIN	陳嘯軒	M45	45167	南華
4 LAU WAI KIN KELVIN	劉偉健	M45	45192	拔萃
5 FONG WAI KUK DENNIS	方緯谷	M45	45179	拔萃
6 TSANG ALBY	曾德輝	M45	45217	拔萃
7 HON SHUN YIU	韓舜堯	M45	45183	喇沙
8 TSE LEON	謝文龍	M45	45219	南華
9 LAI WAI YEUNG	賴維揚	M45	45185	飛達
10 VALCARCEL ISRAEL		M45	45220	AVOHK
11 LI CHAK MING	李澤銘	M45	45198	愉園

主辦單位：



協辦機構：



合作媒體：



香港先進田徑會

第七屆香港先進田徑錦標賽



男子 M45 - 800米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
12 LAU STEPHEN	劉名峰	M45	45191	拔萃
13 WONG CHI LUNG ERIC	王志龍	M45	45225	南華
14 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華
15 YEUNG SZE FEI STEVE	楊時飛	M45	45234	拔萃
16 CHEUK CHUNG LUN ALLEN	卓仲麟	M45	45170	喇沙
17 TIN JOHN	田迪尊	M45	45215	拔萃
18 YUEN KWOK WAI	袁國偉	M45	45238	南華

男子 M45~M50 - 5000米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
1 HO CHI KEUNG RICHARD		M45	45180	喇沙
2 LEUNG SAI TUNG	梁世棟	M45	45197	元朗長跑
3 LEE WAI ON	李偉安	M45	45195	香港海關
4 WONG CHI LUNG ERIC	王志龍	M45	45225	南華
5 WONG KIN WAH	黃健華	M45	45227	飛達
6 LI SIU ON RAYMOND	李兆安	M45	45199	拔萃
7 YIP CHEUNG CHUN	葉長春	M45	45235	飛達
8 LEUNG IVAN	梁君恒	M45	45196	拔萃
9 CHAN SIU HIN	陳嘯軒	M45	45167	南華
10 LEE PUI HANG JULIAN	李沛鏗	M45	45194	喇沙

11 WONG TIN YAU	王天佑	M45	45240	香港消防
12 WONG CHI YUEN LEO	黃智遠	M45	45226	喇沙
13 WONG WESLEY	黃樹德	M45	45223	飛達
14 YEUNG CHI HO HENRY	楊志豪	M45	45232	喇沙
15 NG KAM TAI	吳金帶	M45	45205	飛達
16 RIEHM FRANK		M45	45210	AVOHK
17 TIN JOHN	田迪尊	M45	45215	拔萃
18 LAU WAI KIN KELVIN	劉偉健	M45	45192	拔萃
19 CHEUNG YUN-CHAU	張潤秋	M45	45175	懲教署
20 YUEN KWOK WAI	袁國偉	M45	45238	南華
21 TSE LEON	謝文龍	M45	45219	南華
22 NG YIU FAI STEPHEN	吳耀輝	M45	45207	喇沙
23 TONG SIU CHUNG	湯紹聰	M45	45216	飛達
24 CHEUNG CHI HANG	張知行	M45	45172	喇沙
25 CHAN KING CHUN	陳競進	M45	45165	喇沙
26 FAN CHUNG-MAN RINGO	樊頌文	M45	45178	懲教署
27 LAM SING WAI	林聲偉	M45	45189	屈臣氏
28 CHEUK CHUNG LUN ALLEN	卓仲麟	M45	45170	喇沙
29 MA HING HO	馬慶豪	M45	45203	飛達
30 LAM JOSEPH		M45	45188	拔萃
31 LAM CHEUNG SHING	林掌成	M45	45186	喇沙

主辦單位:



協辦機構:



合作媒體:



香港先進田徑會

第七屆香港先進田徑錦標賽



男子 M30~M50 - 3000米競走 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
8 LAM JOSEPH		M45	45188	拔萃
9 WONG WAI KUEN	王偉權	M45	45222	拔萃
10 LAU WAI KIN KELVIN	劉偉健	M45	45192	拔萃
11 TIN JOHN	田廸尊	M45	45215	拔萃
12 MOK KWAN TING MARTIN	莫昆庭	M45	45204	拔萃
13 FONG WAI KUK DENNIS	方緯谷	M45	45179	拔萃
14 TSANG ALBY	曾德輝	M45	45217	拔萃

男子 M45 - 4X100米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
1 南華 M45 4X100M (A)		M45		南華
2 DBSAC M45 4X100M (B)		M45		拔萃
3 喇沙 M45 4X100M		M45		喇沙
4 DBSAC M45 4X100M (A)		M45		拔萃
5 SJACS M45 4X100M		M45		聖若瑟
6 南華 M45 4X100M (B)		M45		南華
7 飛達 M45 4X100M		M45		飛達

男子 M45 - 110米欄 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
4 TANG HON SING	鄧漢昇	M45	45211	拔萃
5 WONG CARRUK	黃嘉樂	M45	45224	拔萃
6 CHEUNG ALAN	張偉倫	M45	45171	喇沙
7 LO KA YAN	盧家恩	M45	45202	南華

男子 M45 - 4X400米 (第 1 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
3 喇沙 M45 4X400M		M45		喇沙
4 南華 M45 4X400M (B)		M45		南華
5 DBSAC M45 4X400M (B)		M45		拔萃
6 DBSAC M45 4X400M (A)		M45		拔萃
7 南華 M45 4X400M (A)		M45		南華

男子 M45 - 110米欄 (第 2 組)

線道 Name	姓名	組別	編號	團體
5 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華
6 LEE SIU LEUNG	李紹良	M45	45193	拔萃
7 YAU WAI HUNG	邱威雄	M45	45231	公民

男子 M45 - 跳遠 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
1 LEE SIU LEUNG	李紹良	M45	45193	拔萃
2 TANG KWOK WING	鄧國榮	M45	45212	南華

主辦單位:



協辦機構:



合作媒體:



香港先進田徑會

第七屆香港先進田徑錦標賽



男子 M45 - 跳遠 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
3 YEUNG CHI HO HENRY	楊志豪	M45	45232	喇沙
4 LI SIU ON RAYMOND	李兆安	M45	45199	拔萃
5 WONG ROBERTO	王偉國	M45	45230	拔萃
6 HO KIM FAI	何劍輝	M45	45181	愉園
7 NG TAI WAI	吳大偉	M45	45206	警察
8 LIU CHI YUNG	廖智勇	M45	45201	南華
9 LO KA YAN	盧家恩	M45	45202	南華
10 CHOW CHUN WAI	周縉緯	M45	45177	HKMP
11 YEUNG CHI SING KEITH	楊志勝	M45	45233	拔萃
12 TEOH ANTHONY	張源斌	M45	45214	拔萃
13 WAN MAN HO	溫文灝	M45	45221	拔萃
14 TANG HON SING	鄧漢昇	M45	45211	拔萃
15 TSE KAI MING CARL	謝繼明	M45	45218	南華
16 LAI WAI YEUNG	賴維揚	M45	45185	飛達

男子 M45 - 推鉛球 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
1 KWOK NINE WAH	郭念華	M45	45184	喇沙
2 TANG WING KIN	鄧永健	M45	45213	飛達
3 TEOH ANTHONY	張源斌	M45	45214	拔萃

4 CHONG JOHN N. K.	莊毅強	M45	45176	拔萃
5 WONG ROBERTO	王偉國	M45	45230	拔萃
6 YEUNG CHI HO HENRY	楊志豪	M45	45232	喇沙
7 LEE SIU LEUNG	李紹良	M45	45193	拔萃
8 HO WAI LUN	何偉倫	M45	45182	聖若瑟
9 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華
10 LAU STEPHEN	劉名峰	M45	45191	拔萃
11 TIN JOHN	田迪尊	M45	45215	拔萃
12 WONG WAI KUEN	王偉權	M45	45222	拔萃

男子 M45 - 擲鐵餅 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
1 HO WAI LUN	何偉倫	M45	45182	聖若瑟
2 LAU STEPHEN	劉名峰	M45	45191	拔萃
3 CHONG JOHN N. K.	莊毅強	M45	45176	拔萃
4 TEOH ANTHONY	張源斌	M45	45214	拔萃
5 YU JACUS	虞仁舟	M45	45237	拔萃
6 TSE KAI MING CARL	謝繼明	M45	45218	南華
7 HO KIM FAI	何劍輝	M45	45181	愉園
8 KWOK NINE WAH	郭念華	M45	45184	喇沙
9 WONG ROBERTO	王偉國	M45	45230	拔萃
10 TIN JOHN	田迪尊	M45	45215	拔萃

主辦單位：



協辦機構：



合作媒體：



香港先進田徑會

第七屆香港先進田徑錦標賽



男子 M45 - 擲鐵餅 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
11 WONG WAI KUEN	王偉權	M45	45222	拔萃
12 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華

男子 M45 - 擲標槍 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
1 LEE SIU LEUNG	李紹良	M45	45193	拔萃
2 HO WAI LUN	何偉倫	M45	45182	聖若瑟
3 YU JACUS	虞仁舟	M45	45237	拔萃
4 TIN JOHN	田廸尊	M45	45215	拔萃
5 HO KIM FAI	何劍輝	M45	45181	愉園
6 CHONG JOHN N. K.	莊毅強	M45	45176	拔萃
7 TSE KAI MING CARL	謝繼明	M45	45218	南華
8 LIU CHI YUNG	廖智勇	M45	45201	南華
9 WONG ROBERTO	王偉國	M45	45230	拔萃
10 KWOK NINE WAH	郭念華	M45	45184	喇沙
11 CHEUNG TAK LAI PHILIP	張德禮	M45	45174	喇沙
12 LAI WAI YEUNG	賴維揚	M45	45185	飛達

男子 M45 - 跳高 (第 1 組)

排序 Name	姓名	組別	編號	團體
---------	----	----	----	----

1 LIU CHI YUNG	廖智勇	M45	45201	南華
2 TEOH ANTHONY	張源斌	M45	45214	拔萃
3 CHEUNG ALAN	張偉倫	M45	45171	喇沙
4 WONG CARRUK	黃嘉樂	M45	45224	拔萃
5 WONG NGAI FUNG	黃毅峯	M45	45228	南華
6 POON WAI LEUNG GARY	潘維亮	M45	45209	拔萃
7 TSE KAI MING CARL	謝繼明	M45	45218	南華
8 HO KIM FAI	何劍輝	M45	45181	愉園
9 TANG KWOK WING	鄧國榮	M45	45212	南華
10 NG TAI WAI	吳大偉	M45	45206	警察
11 WAN MAN HO	溫文灝	M45	45221	拔萃
12 LEE SIU LEUNG	李紹良	M45	45193	拔萃
13 YEUNG CHI SING KEITH	楊志勝	M45	45233	拔萃
14 WONG ROBERTO	王偉國	M45	45230	拔萃

主辦單位:



協辦機構:



合作媒體:

